

31. Don't go yet. - Đừng đi vội.

32. Please go first. After you. - Xin nhường đi trước. Tôi xin đi sau.

33. Thanks for letting me go first. - Cảm ơn đã nhường đường.

34. What a relief. - Thật là nhẹ nhõm.

35. What the hell are you doing? - Anh đang làm cái quái gì thế kia?

36. You're a life saver. - Bạn đúng là cứu tinh.

37. I know I can count on you. - Tôi biết mình có thể trông cậy vào bạn mà.

38. Get your head out of your ass! - Đừng có giả vờ khờ khạo!

39. That's a lie! - Xạo quá!

40. Do as I say. - Làm theo lời tôi.



langmaster.edu.vn



LIVEWORKSHEETS